

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
CƠ CHẾ XỬ LÝ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC DO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến:

- Ủy ban của Quốc hội: (1) Hội đồng Dân tộc; 2) Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội
- Bộ, cơ quan ngang bộ: (1) Bộ Ngoại giao; (2) Bộ Tài chính; (3) Bộ Công an; (4) Bộ Khoa học và Công nghệ
- Sở Tư pháp một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (1) Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ; Sở Tư pháp Thành phố Huế, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên
- Đơn vị thuộc Bộ Tư pháp: (1) Vụ Hợp tác quốc tế; (2) Cục PBGDPL&TGPL
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Trong đó, Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ và Vụ Hợp tác quốc tế nhất trí hoàn toàn với dự thảo Nghị quyết.

2. Kết quả cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Tờ trình	Hội đồng Dân tộc	Về cơ sở thực tiễn: Từ năm 2024 đến nay, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu, tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, xác định và đề xuất phương án xử lý các vướng mắc có tính chất cấp bách tại	Về vấn đề này Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện

	các văn bản QPPL, trong đó tập trung vào rà soát, xác định điểm nghẽn 04 nhóm lĩnh vực lớn trong các văn bản QPPL, với 13 Báo cáo phục vụ 05 phiên họp của Ban Chỉ đạo; Thường trực HĐDT thấy rằng, Bộ Tư pháp đã thực hiện một khối lượng công việc rất lớn, trong thời gian ngắn với yêu cầu cao, khó, cấp bách. Tuy nhiên, để làm rõ hơn kết quả và làm căn cứ cho việc xác định điểm nghẽn lớn trong các văn bản QPPL và đề xuất các tiêu chí để xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung Tờ trình về kết quả đã rà soát như: Số lượng văn bản đã được rà soát? Các lĩnh vực đã được rà soát? Những khó khăn, vướng mắc lớn do quy định của pháp luật đã được phát hiện cần xử lý (mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất trong các văn bản QPPL hoặc giữa các văn bản QPPL). - Về nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật: Dự thảo Tờ trình xác định 07 nguyên tắc xử lý, trong đó nguyên tắc thứ bảy có xác định <i>“Ưu tiên xử lý khó khăn, vướng mắc của pháp luật trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, tài chính, tín dụng, thuế, phí, đầu thầu; cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ bất hợp lý; chuyển đổi xanh, kinh tế xanh; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sắp xếp tổ chức bộ máy; phân quyền, phân cấp”</i> (nội dung này được quy định tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị quyết); đồng thời, nội dung dự thảo Tờ trình nêu đây là các lĩnh vực được tổng hợp trên cơ sở các quan điểm, nhận định được nêu trong một số nghị quyết của Đảng, kết luận, bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Tuy nhiên, để có tính thuyết phục hơn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, bổ sung làm rõ hơn về căn cứ thực tiễn (có số liệu minh chứng) để đề xuất lựa chọn 05 nhóm lĩnh vực có “điểm nghẽn” lớn cần ưu tiên tập trung xử lý để đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu của Nghị quyết số 66-NQ/TW đặt ra, đó là năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định của pháp luật.	
Bộ Ngoại giao	- Về mục I (Sự cần thiết ban hành Nghị quyết), đề nghị bổ sung cụ thể hơn các kết quả rà soát khó khăn, vướng mắc như đã nêu tại trang 4 dự thảo Tờ trình và làm thành Phụ lục của Tờ trình để từ đó các bộ, ngành, địa phương xác định rõ	- Tiếp thu, đã chỉnh lý

	các nội dung khó khăn, vướng mắc đã được đề xuất để xử lý và tiếp tục thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp chủ trì xây dựng, tránh lãng phí thời gian và nguồn nhân lực. - Đề nghị bổ sung nội dung làm rõ hơn về điều kiện bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết. Theo đó, để thi hành Nghị quyết, cần tính đến việc ban hành các văn bản hướng dẫn (ví dụ, dự thảo Nghị quyết quy định các nghị quyết của Chính phủ được ban hành trong trường hợp này cần đánh số, ký hiệu riêng để xử lý, vậy cơ quan có thẩm quyền nào sẽ hướng dẫn thực hiện nội dung này?). - Qua rà soát sơ bộ, Bộ Ngoại giao nhận thấy có một số điều ước quốc tế có liên quan như: Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế, Hiệp định WTO, Hiệp định CPTPP... Bộ Ngoại giao đề nghị cân nhắc lại về đánh giá tại Mục VI.1 dự thảo Tờ trình (“Nội dung dự thảo Nghị quyết cũng không có quy định trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”) vì lý do như sau: Điều 5 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định về quy trình soạn thảo Nghị quyết của Chính phủ để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật không quy định bước lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động và đăng tải công khai dự thảo Nghị quyết của Chính phủ. Bộ Ngoại giao cho rằng việc thiếu các quy định này ảnh hưởng đến cam kết về minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, có thể dẫn đến việc không tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể, Điều 26.2.4 Hiệp định CPTPP quy định: “4. Đối với một quy định được đề xuất áp dụng chung của cấp trung ương của chính phủ một Bên liên quan tới các vấn đề thuộc phạm vi Hiệp định này có 2 khả năng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các Bên và được công bố theo quy định tại khoản 2 (a), mỗi Bên cần: (a) công khai các quy định được đề xuất trên một tạp chí chính thức, hoặc trên một trang web chính thức, tốt nhất là trực tuyến và hợp nhất thành một cổng duy nhất; (b) cố gắng công khai các quy định được đề xuất: (i) không ít hơn 60 ngày trước ngày các ý kiến được xác định; hoặc (ii) trong một khoảng thời gian trước ngày có ý kiến cung cấp đủ thời gian cho một người quan tâm để đánh giá các quy định được đề xuất, để xây dựng và trình ý kiến;	- Tiếp thu, đã chỉnh lý - Về vấn đề này, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu tiếp thu bổ sung quy định về việc đăng tải dự thảo văn bản bản trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, về thời gian đăng tải, Bộ Tư pháp cho rằng, khi gia nhập WTO, Việt Nam xác nhận sẽ cho phép một khoảng thời gian hợp lý, không ít hơn 60 ngày để các Thành viên, cá nhân, doanh nghiệp có thể đóng góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Chính phủ ban hành có liên quan hoặc ảnh hưởng tới thương mại hàng hoá, dịch vụ, sở hữu trí tuệ trước khi các VBQPPL này được thông qua. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến có thể không được thực hiện đối với những quy định hoặc biện pháp khác liên quan đến tình trạng khẩn cấp, an ninh quốc gia hoặc các quy định mà việc
--	---	--

	(c) đến một mức có thể, đính kèm trong các bản công khai quy định tại điểm (a) các giải thích về mục đích và lý do cho các quy định được đề xuất; và (d) xem xét ý kiến nhận được trong khoảng thời gian bình luận, và được khuyến khích để giải thích các thay đổi đáng kể để thực hiện các quy định được đề xuất, tốt nhất là trên một trang web chính thức hoặc trên một tạp chí trực tuyến.” Lĩnh vực đầu tư là một trong các ưu tiên trong cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Do đó, các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành để xử lý khó khăn, vướng mắc về đầu tư cần được công bố công khai và lấy ý kiến các đối tượng liên quan. Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định để bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế nêu trên.	công bố làm cản trở việc thực thi pháp luật. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị không quy định việc đăng tải ít nhất 60 ngày theo ý kiến của Bộ Ngoại giao, việc ban hành các văn bản thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này trong trường hợp miễn trừ như đã nêu ở trên
Bộ Tài chính	- Tại Mục I về sự cần thiết ban hành Nghị quyết, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung thêm nội dung “Đánh giá chung” để tổng hợp lại vai trò của Nghị quyết. - Tại khoản 3 Mục V về phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp nhấn mạnh vai trò “giám sát, đánh giá hậu kiểm” để bảo đảm cơ chế đặc biệt không bị lạm dụng. - Tại khoản 2 Mục VI về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết, Bộ Tư pháp có đưa ra nội dung “Để triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết, nhất là nội dung liên quan đến việc giao trách nhiệm rà soát, xử lý cụ thể đối với các văn bản QPPL sẽ phát sinh yêu cầu phải tập trung bố trí nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho hoạt động này. Do vậy, để thực hiện Nghị quyết, các cơ quan, người có thẩm quyền cần quan tâm, kịp thời bố trí kinh phí thỏa đáng cho hoạt động rà soát, xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL. Về kinh phí cho hoạt động rà soát, xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL, tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 đã có quy định cơ chế đặc thù cho công tác rà soát văn bản QPPL(căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 2, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025, định mức khoán chi cho hoạt động rà soát văn bản QPPL gấp từ 03 lần đến 05 lần so với định mức cùng nội dung chi theo quy định hiện hành) và giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét sự cần thiết phải nêu nội dung này tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.	Tiếp thu

	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Đề nghị xây dựng các mục II, IV, V của dự thảo Tờ trình bảo đảm theo mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu, đã chỉnh lý, hoàn thiện
Những vấn đề chung	Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội	Thường trực Ủy ban đánh giá cao sự chủ động, tích cực của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc đề xuất ban hành dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, để làm rõ hơn về sự cần thiết ban hành Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích, đánh giá và bổ sung thông tin về một số nội dung sau: 1. Về cơ sở chính trị, đề nghị nêu cụ thể nội dung Nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, đồng chí Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn liên quan đến việc cần phải xây dựng, ban hành Nghị quyết này để làm rõ hơn cơ sở chính trị ban hành Nghị quyết¹. 2. Về cơ sở pháp lý, đề nghị làm rõ sự cần thiết ban hành Nghị quyết này trong khi đang sửa Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật BHVBQPPL), dự kiến thông qua vào ngày 25/6/2025. Do đó, các nội dung vướng mắc cần được nghiên cứu đưa vào dự thảo Luật BHVBQPPL. 3. Về cơ sở thực tiễn, tại đoạn cuối của mục I.2 (trang 5) có nêu: <i>Thực tế, hiện nay, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thường xuyên phản ánh về tình trạng “vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật, không có căn cứ pháp lý để giải quyết” dẫn đến đình trệ công việc...đối với các vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết, pháp luật thì chỉ Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi hoặc cho phép áp dụng cơ chế đặc biệt.</i> Để làm rõ cơ sở thực tiễn của việc cần thiết phải ban hành Nghị quyết xử lý vấn đề này, Thường trực Ủy ban đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung phụ lục thông tin, dẫn chứng thêm cho nhận định này. Đồng thời, đề nghị, Chính phủ chỉ đạo rà soát và báo cáo thêm về việc đã đề xuất xử lý những vướng mắc, bất cập này tại các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại kỳ họp thứ 9 và thứ 10, Quốc hội khóa XV, trong đó làm rõ: vấn đề nào đã được xử lý, vấn đề nào chưa được xử lý và lý do của việc chưa đề xuất, xử lý?.	Tiếp thu một phần. Chỉ đạo của Đảng, đồng chí Bí thư, Chủ tịch Quốc hội liên quan đến việc xây dựng Nghị quyết trong đó đã đề ra yêu cầu chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật. - Về cơ sở pháp lý: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã có các quy định cụ thể về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật khi phát hiện các khó khăn, vướng mắc; đồng thời, quy định cơ chế sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản trong trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn có thể thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trình tự, thủ tục đặc biệt khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa đáp

¹ Chính phủ và các cơ quan có liên quan đã và đang trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiều luật, nghị quyết, pháp lệnh để thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với các nội dung được cơ quan chủ trì soạn thảo nêu tại mục I.1.a của dự thảo Tờ trình Chính phủ.

			ứng được yêu cầu giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh nhanh, cấp bách từ thực tiễn, đặc biệt là trong một số lĩnh vực quan trọng để phát triển kinh tế và tăng trưởng như đầu tư công, xây dựng, đất đai, môi trường, tài chính, ngân sách...; khi có sự chồng chéo, xung đột pháp luật hoặc khi chưa có quy định hoặc quy định không rõ ràng. Chính phủ đã có nhiều biện pháp nhằm tháo gỡ những tồn tại, hạn chế nêu trên, tuy nhiên, thẩm quyền chỉ giới hạn trong việc xử lý các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, đối với các vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết, pháp luật thì chỉ Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi hoặc cho phép áp dụng cơ chế đặc biệt. Do đó, việc xây dựng dự thảo nghị quyết nhằm thiết lập cơ chế chính thức để xử lý các vướng mắc mà đang “không thể hoặc chưa thể” sửa bằng quy trình xây dựng pháp luật thông thường theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.
--	--	--	---

		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp, làm rõ hơn mối quan hệ giữa dự thảo Nghị quyết này với các dự án luật, nghị quyết cũng do Chính phủ trình liên quan đến những lĩnh vực ưu tiên xử lý quy định tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị quyết (nếu cần xử lý thì xử lý ngay tại các luật, nghị quyết có liên quan đến các lĩnh vực này đang trình Quốc hội xem xét, thông qua).	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Hội đồng Dân tộc	Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật là hết sức cần thiết, nhằm thiết lập cơ chế chính thức để xử lý các vướng mắc mà đang <i>không thể, hoặc chưa thể</i> sửa bằng các quy định của pháp luật thông thường theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Nghị quyết được ban hành trên cơ sở căn cứ vào các nghị quyết, kết luận, quy định, chỉ đạo quan trọng của Đảng, như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; đặc biệt là Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, với mục tiêu đặt ra “<i>Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật</i>”. Thường trực HĐDT thống nhất với mục tiêu ban hành Nghị quyết, đó là <i>tạo cơ sở pháp lý để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong các lĩnh vực quan trọng, ưu tiên, cấp bách cần xử lý ngay để kịp thời khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh</i>.	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Bộ Công an	Để bảo đảm tính khả thi, đề nghị chỉnh lý, bổ sung dự thảo Nghị quyết này theo hướng: nội dung nào áp dụng theo quy định, trình tự, thủ tục, hồ sơ... của pháp luật về ban hành văn bản QPPL thì cần được dẫn chiếu rõ và nội dung nào khác thì cần quy định rõ tại dự thảo Nghị quyết này	Tiếp thu, đã chỉnh lý

		Trên cơ sở kết quả rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, các cơ quan sẽ đề xuất phương án xử lý (ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung). Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chưa quy định tiêu chí, điều kiện để xác định khó khăn, vướng mắc tại các văn bản QPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội như thế nào thì cần xử lý ngay bằng nghị quyết QPPL của Chính phủ, đề nghị chỉnh lý, bổ sung để bảo đảm thống nhất áp dụng. (Ví dụ: trường hợp đã có dự kiến sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (có cả nội dung xử lý khó khăn, vướng mắc theo kết quả rà soát) tại các kỳ họp Quốc hội năm 2025, năm 2026 thì có cần ban hành nghị quyết QPPL của Chính phủ để xử lý khó khăn, vướng mắc không).	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Bộ Tài chính	- Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp: Chính phủ đã ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các Điều, khoản, điểm tại Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), tuy nhiên khi báo cáo UBTVQH, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất thì UBTVQH, Quốc hội không đồng ý thông qua các nội dung điều chỉnh. - Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết để đảm bảo phù hợp với các quy định tại Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan.	Sẽ tiếp tục nghiên cứu để chỉnh lý, hoàn thiện
Căn cứ pháp lý	Sở Tư pháp Thành phố Huế	a) Tại căn cứ cuối cùng, đề nghị chỉnh sửa như sau: “Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.”. b) Tại tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết đã quy định rõ: “Nghị quyết này quy định về tiêu chí xác định, nguyên tắc, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật”, do vậy tại tên Điều 2, 3, 4, 5 đề nghị lược bỏ cụm từ “khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật”.	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	a) Phần Căn cứ pháp lý, đề nghị chỉnh sửa căn cứ “Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật năm 2025” như sau để phù hợp với Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành	Tiếp thu, đã chỉnh lý

		văn bản quy phạm pháp luật: “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,”.	
Điều 1	Hội đồng Dân tộc	Một số ý kiến tán thành phạm vi điều chỉnh, tuy nhiên, có ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết chỉ áp dụng để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội. Đối với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật BHVBQPPL. Đồng thời tại Điều 6 về tổ chức thực hiện, bổ sung quy định trách nhiệm của rà soát, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung VBQPPL theo thẩm quyền theo quy định của Luật BHVBQPPL.	Tiếp thu, đã chỉnh lý Điều 6 dự thảo Nghị quyết và quy định: “3. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc khoản 3 và 4 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.
	Cục PBGDPL&T GPL	Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cân nhắc bổ sung: “Nghị quyết này quy định về tiêu chí xác định, nguyên tắc, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và chưa có quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ đang diễn ra trong thực tiễn”.	Về vấn đề này, Điều 33 Hiến pháp năm 2013 quy định “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” ngoài ra tại điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật BHVBQPPL năm 2025 đã quy định việc Chính phủ có thể ban hành nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ hoặc khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ” do đó không quy định việc “chưa có quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ đang diễn ra trong thực tiễn” là tiêu chí để xác

			định khó khăn vướng mắc do quy định của pháp luật để đưa vào dự thảo Nghị quyết này để điều chỉnh.
	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Điều 1 Phạm vi điều chỉnh, đề nghị chỉnh sửa như sau để bảo đảm đầy đủ nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về tiêu chí xác định, nguyên tắc, phương án, quy trình và trách nhiệm của các cơ quan trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.”.	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Điều 1: đề nghị bổ sung thêm “phương án” để phù hợp với nội dung thực hiện tại Điều 4 dự thảo.	Tiếp thu, đã chỉnh lý
Điều 2	Hội đồng Dân tộc	(1) Khoản 1: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung trường hợp các luật, pháp lệnh, nghị quyết thiếu tính khả thi, không phù hợp với thực tiễn. (2) Khoản 2: Cân nhắc quy định tiêu chí nêu tại khoản này vì Luật BHVBQPPL đã có quy định về giải thích pháp luật. (3) Khoản 3: Đề nghị nghiên cứu, diễn đạt lại để mang tính bao quát các trường hợp, đặc biệt là các trường hợp liên quan đến các lĩnh vực ưu tiên xử lý quy định tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. (4) Nghiên cứu bổ sung thêm quy định tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc cần xử lý theo quy định tại Nghị quyết này phải gắn với yêu cầu cần thiết, cấp bách, không thể không sửa đổi ngay.	Tiếp thu, đã chỉnh lý khoản 1, khoản 3, khoản 4. Đối với nội dung tại khoản 2, Bộ Tư pháp tiếp thu và đã bổ sung một khoản vào Điều 3 về nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật theo hướng: “Khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật có thể xử lý được bằng hình thức giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì ưu tiên áp dụng hình thức đó” (khoản 6).
	Cục PBGDPL&T	Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cân nhắc bổ sung thêm 01 tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do “Chưa có quy định của pháp luật để điều chỉnh	Đã giải trình ở trên

	GPL	các quan hệ xã hội hoặc các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để điều chỉnh”.	
	Bộ Ngoại giao	- Khoản 3 Điều 2 liên quan đến cụm từ “hội nhập”, đề nghị quy định rõ là “hội nhập quốc tế” (thay vì có thể dẫn đến cách hiểu là “hội nhập kinh tế quốc tế” do nằm ngay sau cụm từ “thúc đẩy tăng trưởng kinh tế”) để tạo điều kiện thuận lợi cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới trong trường hợp cần thiết	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Bộ Tài chính	- Đề nghị Bộ Tư pháp: (i) Bổ sung thêm tiêu chí xác định: “Các quy định của pháp luật không còn phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của bối cảnh thực tiễn, dẫn đến chậm trễ trong triển khai chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia, hoặc làm phát sinh các tình huống pháp lý chưa có cơ chế điều chỉnh, gây lúng túng cho cơ quan áp dụng pháp luật”; (ii) Bổ sung tiêu chí liên quan đến văn bản pháp luật chưa được ban hành kịp thời hoặc thiếu quy định điều chỉnh vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn. Cụ thể: “Không có quy định pháp luật điều chỉnh hoặc có khoảng trống pháp lý đối với vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn”; (iii) Bổ sung thêm tiêu chí: VBQPPL không còn phù hợp với thực tiễn; cần ban hành ngay để thực hiện theo yêu cầu, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; (iv) Cụ thể hóa hoặc bổ sung dữ liệu, thống kê về các khó khăn, vướng mắc làm cản trở nhận diện, tránh chủ quan. - Khoản 2, khoản 3 đưa ra các tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc: “2. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, minh bạch, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật. 3. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ không cần thiết; hạn chế việc đổi mới, sáng tạo, phát triển vấn đề mới, xu hướng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập”. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết chưa quy định cụ thể: (i) Cơ quan có thẩm quyền xác định “quy định không rõ ràng, minh bạch”; (ii) Việc xác định thế nào là “quy định không rõ ràng, minh bạch”, “gánh nặng chi phí tuân thủ không cần thiết”, “hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển vấn đề mới, xu hướng mới,	- Nhóm vấn đề 1: (i) Về vấn đề (i), Bộ Tư pháp xin giải trình như sau: tiêu chí “Các quy định của pháp luật không còn phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của bối cảnh thực tiễn, dẫn đến chậm trễ trong triển khai chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia, hoặc làm phát sinh các tình huống pháp lý chưa có cơ chế điều chỉnh, gây lúng túng cho cơ quan áp dụng pháp luật” đã được bao hàm trong 03 tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc được quy định tại dự thảo Nghị quyết, cụ thể: - Tiêu chí “Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong cùng một văn bản hoặc giữa các văn bản” đã phản ánh trường hợp nhiều văn bản pháp luật không còn tương thích với nhau do thực tiễn thay đổi. - Tiêu chí “Quy định không rõ

		khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập”. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu để quy định cụ thể hóa, định lượng hóa các tiêu chí trên tại dự thảo Nghị quyết để tránh phát sinh vướng mắc khi thực hiện (đặc biệt là việc lượng hóa các thiệt hại xảy ra do các quy định pháp luật không rõ ràng, minh bạch, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện).	ràng, không hợp lý, không khả thi” đã bao trùm cả các trường hợp thiếu cơ chế điều chỉnh, khi thực tiễn mới nảy sinh nhưng pháp luật chưa bắt kịp. - Tiêu chí “Gây gánh nặng chi phí tuân thủ; cản trở đổi mới sáng tạo, phát triển mô hình kinh doanh mới...” đã trực tiếp phản ánh nội dung “chậm trễ triển khai chính sách”, “không phù hợp với thay đổi nhanh của bối cảnh thực tiễn”. (ii) Nội dung này đã được giải trình như ở trên. (iii) Về đề nghị bổ sung tiêu chí: VBQPPL không còn phù hợp với thực tiễn; cần ban hành ngay để thực hiện theo yêu cầu, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Tư pháp cho rằng, nội dung này đã được phản ánh đầy đủ trong 03 tiêu chí đã được quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết (như đã trình bày ở trên). Nội dung liên quan đến việc cần ban hành văn bản để thực hiện yêu cầu, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Tư pháp cho rằng, đây là nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật mà không phải là tiêu chí xác định khó
--	--	---	--

			khẩn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Do đó, nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc là bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng. (iv) Vấn đề cụ thể hóa hoặc bổ sung dữ liệu, thống kê về các khó khăn, vướng mắc làm căn cứ nhận diện, tránh chủ quan là nội dung liên quan đến khâu tổ chức thi hành. Nội dung này Bộ Tư pháp tiếp thu và sẽ quy định cụ thể trong Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua. - Nhóm vấn đề 2: Bộ Tư pháp cho rằng, để bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình thực hiện, dự thảo Nghị quyết quy định chung về tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và giao quyền chủ động, tăng cường trách nhiệm của Chính phủ trong việc xác định khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án xử lý để bảo đảm tính kịp thời, nhanh chóng trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc. Đồng thời với việc trao quyền,
--	--	--	--

			tăng cường trách nhiệm cho Chính phủ, dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế kiểm soát chất lượng việc xác định khó khăn, vướng mắc và phương án xử lý khó khăn, vướng mắc thông qua Hội đồng thẩm định độc lập.
Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa như sau để quy định được đầy đủ, bao quát các tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật: “Điều 2. Tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật Khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật được xác định theo một trong các tiêu chí sau: 1. Quy định mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ, thống nhất trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật hoặc giữa các văn bản quy phạm pháp luật. 2. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, minh bạch, không phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong áp dụng, thực thi pháp luật. 3. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật làm tăng chi phí tuân thủ không cần thiết; hạn chế việc đổi mới, sáng tạo, phát triển vấn đề mới, xu hướng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập.”.	Tiếp thu, đã chỉnh lý	
Bộ Khoa học và Công nghệ	- Điều 2: các tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật tại Dự thảo chưa rõ ràng, mang tính chung chung và chưa bám sát vào mục tiêu ban hành Nghị quyết “để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong các lĩnh vực quan trọng, ưu tiên, cấp bách cần xử lý”. Vì vậy, đề nghị điều chỉnh theo hướng những tiêu chí nêu tại khoản 1, 2 Điều này phải dẫn đến hậu quả như tạo điểm nghẽn, gánh nặng chi phí tuân thủ không cần thiết, không cân đối hợp lý; hạn chế việc đổi mới, sáng tạo...thì mới thuộc trường hợp xử lý của Nghị quyết.	Tiếp thu, đã chỉnh lý Điều 2 dự thảo Nghị quyết theo hướng quy định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật kìm hãm, cản trở, gây ách tắc phát triển kinh tế - xã hội được xác định theo một trong các tiêu chí sau: 1. Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật hoặc giữa các văn bản quy phạm pháp luật. 2. Quy định của văn bản quy	

			phạm pháp luật không rõ ràng, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật. 3. Quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; hạn chế việc đổi mới, sáng tạo, phát triển mô hình kinh doanh mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế.
Điều 3	Bộ Ngoại giao	Về Điều 3, đề nghị cân nhắc đưa nguyên tắc quy định tại khoản 4 (“Không trái với các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên”) lên thành nguyên tắc thứ 2 sau nguyên tắc “Thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng”, phù hợp với thứ tự các nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 5, để đảm bảo thực hiện nguyên tắc này, đề nghị quy định rõ dự thảo tờ trình trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết cần bao gồm nội dung đánh giá tính tương thích của dự thảo Nghị quyết với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.	Về vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo giữ nguyên như trong dự thảo. Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật quy định tại Nghị quyết này phải đảm bảo tất cả các nguyên tắc nêu tại Điều 3.
	Bộ Tài chính	- Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét bổ sung các nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, gồm: (i) Bảo đảm đầy đủ quy định chuyển tiếp đối với các quy định pháp luật được sửa đổi, bổ sung căn cứ theo Nghị quyết này (đặc biệt là quy định là căn cứ để triển khai thực hiện các dự án vẫn đang được triển khai); (ii) Bảo đảm trách nhiệm giải trình, công khai toàn bộ quy trình, nội dung và kết quả xử lý vướng mắc; (iii) Bảo đảm không trái với quy định của Hiến pháp. - Tại khoản 5 Điều 3, dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật: “<i>Bảo đảm dân chủ, công khai, minh</i>	- Bộ Tư pháp đề nghị không bổ sung các nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc như đề xuất của Bộ Tài chính vì các nguyên tắc này đã được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: (i) Nguyên tắc bảo đảm quy định chuyển tiếp đã được quy định rõ tại Điều 16 Luật Ban hành

		<i>bach, tính thống nhất của hệ thống pháp luật”.</i> Đối với nguyên tắc này, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát và xem lại nguyên tắc này vì đây là Nghị quyết đặc thù được xây dựng để xử lý nhanh chóng khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và không đảm bảo được tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.	VBQPPL: khi sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật, phải quy định rõ hiệu lực, trách nhiệm thi hành, và điều khoản chuyển tiếp nếu có. (ii) Nguyên tắc trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động lập pháp, hành pháp (ví dụ Điều 5, Điều 132 của Luật Ban hành VBQPPL, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Phòng, chống tham nhũng...). (iii) Nguyên tắc không trái với Hiến pháp là yêu cầu hiển nhiên, có tính nền tảng pháp lý, đã được khẳng định tại khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013, và mọi văn bản dưới luật đều phải tuân thủ. - Tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính về khoản 5 Điều 3, Bộ Tư pháp đã bỏ nguyên tắc này tại dự thảo Nghị quyết.
Điều 4	Bộ Công an	Khoản 2: Đề nghị bổ sung (1) quy định để thực hiện việc “đánh số ký hiệu riêng để theo dõi xử lý) các nghị quyết của Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản này. (Ví dụ: quy định ký hiệu riêng của văn bản là ký hiệu như thế nào?). Đồng thời, quy định về công tác văn thư tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP cũng chỉ có quy định “văn bản mật được cấp hệ thống số riêng”; (2) quy định về trách nhiệm xác định, trách nhiệm phê duyệt, trách nhiệm xử lý, thời hạn xử lý... với “danh mục các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ”.	Việc quy định phương án xử lý “đặc biệt” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết là một giải pháp tình thế nhưng cần thiết, có tính linh hoạt cao, nhằm tránh tình trạng “chờ sửa luật” gây ách tắc hoạt động quản lý, đầu tư, kinh doanh và ảnh hưởng tiêu cực

			đến phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế này không phải là mới mà đã có tiền lệ và được quy định trong một số văn bản như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, dự thảo Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, dự thảo Luật Năng lượng nguyên tử... Tuy nhiên, các quy định hiện hành chủ yếu giới hạn trong một số lĩnh vực cụ thể như tổ chức bộ máy, phân quyền, phân cấp hoặc khoa học công nghệ, năng lượng nguyên tử mà chưa bao quát hết các lĩnh vực ưu tiên, cấp bách khác. Do đây là phương án xử lý “đặc biệt”, nên dự thảo Nghị quyết quy định các nghị quyết ban hành phải được đánh số, ký hiệu riêng để phân biệt với các nghị quyết thông thường khác, bảo đảm thuận tiện cho theo dõi và xử lý các vấn đề liên quan phát sinh trong tổ chức thi hành.
	Ủy ban Văn	Một số ý kiến trong Thường trực Ủy ban tán thành với quy định tại Điều 4	Tiếp thu, đã chỉnh lý

	hóa và Xã hội của Quốc hội của dự thảo Nghị quyết. Bên cạnh đó: (1) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thuyết minh cụ thể cho các quy định tại Điều này để bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện, đảm bảo không dẫn tới tùy tiện trong sửa đổi quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm phù hợp với Luật BHVBQPPL; (2) Đề nghị cần xác định rõ vì lý do khách quan mới áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 4 để tránh tùy nghi trong xây dựng pháp luật, ban hành văn bản không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; (3) Thường trực Ủy ban cho rằng, đối với Nghị quyết của Chính phủ điều chỉnh quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình thì Chính phủ cần phải báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi ban hành. Tuy nhiên, có ý kiến trong Thường trực Ủy ban đề nghị cân nhắc nghiên cứu bỏ khoản 2 Điều 4.	
--	--	--

	Bộ Tài chính	- Tại khoản 1 Điều 4, dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Các khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải được xử lý trước ngày 01 tháng 3 năm 2027</i>”. Đối với quy định này, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét lại việc sử dụng cụm từ “<i>phải được xử lý</i>” do việc áp dụng các phương án được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 dự thảo cũng có thể được coi là đã xử lý các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. - Tại khoản khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc, Chính phủ được ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</i> <i>Nghị quyết của Chính phủ được ban hành trong trường hợp này phải được đánh số ký hiệu riêng để theo dõi, xử lý. Ngoài các nội dung điều chỉnh quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ phải xác định cụ thể danh mục các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.</i>” Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, Chính phủ ban hành nghị quyết để quy định: Giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể <u>thuộc thẩm quyền của Chính phủ</u>. Theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp: (i) Nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL; (ii) Bổ sung quy định cụ thể cách đánh số riêng để theo dõi, xử lý với Nghị quyết của Chính phủ được ban hành để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. - Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình,</i>	- Tiếp thu, đã chỉnh lý khoản 1 Điều 4. - Tiếp thu, đã chỉnh lý khoản 2 Điều 4 theo hướng Chính phủ ban hành nghị quyết để điều chỉnh quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và quy định việc đánh số riêng đối với nghị quyết này. - Tiếp thu, đã chỉnh lý khoản 3 Điều 4 theo hướng quy định cụ
--	--------------	--	---

	<i>Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.</i> Theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp quy định cụ thể tại dự thảo Nghị quyết loại văn bản QPPL mà UBTVQH cần ban hành để điều chỉnh quy định tại điều, khoản, điểm tại luật, nghị quyết của Quốc hội. - Ngoài ra, để bảo đảm kiểm soát quyền lực và tránh lạm dụng, đề nghị Bộ Tư pháp: (i) Quy định cụ thể trường hợp, điều kiện Chính phủ ban hành Nghị quyết (ví dụ như: Chỉ áp dụng trong trường hợp nội dung cần xử lý đã được xác định rõ là vướng mắc thực tiễn nghiêm trọng, có tác động tiêu cực đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, an sinh xã hội, hoặc gây đình trệ trong việc thực thi chính sách công); (ii) Giới hạn phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết của Chính phủ (ví dụ như: Chỉ được điều chỉnh các quy định mang tính kỹ thuật, thủ tục hành chính hoặc mang tính tạm thời, không áp dụng đối với các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quyền tài sản, các vấn đề về hình sự, tư pháp hoặc những nội dung làm thay đổi căn bản chính sách công); (iii) Bổ sung cơ chế giám sát công khai (ví dụ như: Chính phủ có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng một lần trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình ban hành, thực hiện các Nghị quyết theo cơ chế này; đồng thời công bố công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ để bảo đảm minh bạch và kiểm soát quyền lực).	thể hình thức văn bản là nghị quyết của UBTVQH. - Về vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau: Đồng thời với việc trao quyền linh hoạt cho Chính phủ, dự thảo Nghị quyết cũng quy định rõ cơ chế kiểm soát và giám sát nhằm tránh lạm dụng trong quá trình thực hiện. Theo đó, bên cạnh cơ chế thẩm định độc lập, dự thảo Nghị quyết quy định Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại phiên họp, kỳ họp gần nhất về việc ban hành nghị quyết để điều chỉnh luật, nghị quyết của Quốc hội nhằm xử lý khó, vướng mắc. Điều này bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực trong việc xử lý các vấn đề phát sinh từ quy định của pháp luật.
VCCI	- Về thời hạn giải quyết các khó khăn, vướng mắc: Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo, các khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải được xử lý trước ngày 01/3/2027 theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Không rõ thời hạn 01/3/2027 dựa trên căn cứ nào? Đây là thời hạn ban hành các văn bản sửa đổi luật, nghị quyết hay là thời hạn có hiệu lực của các văn bản sửa đổi luật, nghị quyết? Thông thường, trong năm Quốc hội sẽ họp vào tháng 5 và tháng 10,	- Tiếp thu, đã chỉnh lý theo hướng bỏ quy định về thời hạn 01 tháng 3 năm 2027 tại khoản 1 Điều 4.

	và sẽ thông qua luật trong các kỳ họp này. Đề nghị xem xét lại thời hạn 01/3/2027 để phù hợp với thực tế. - Về ban hành nghị quyết của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Dự thảo, trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc “Chính phủ được ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”. Quy định này được giải trình là “giải pháp tình thế nhưng cần thiết, có tính linh hoạt cao, nhằm tránh tình trạng “chờ sửa luật” gây ách tắc hoạt động quản lý, đầu tư, kinh doanh và ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội”. Quy định này sẽ tạo ra cơ chế thúc đẩy nhanh hơn việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của quy định về kinh doanh. Tuy vậy, có một số lưu ý về cơ sở pháp lý đối với quy định này. Bởi vì theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật phải thống nhất với văn bản quy phạm có giá trị cao hơn. - Mặt khác, quy định trên cũng chưa quy định rõ, liệu dự thảo nghị quyết của Chính phủ sẽ được phép quy định trái hoặc chưa thống nhất với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ hay không? Và nguyên tắc áp dụng trong trường hợp này như nào, sẽ ưu tiên áp dụng quy định của nghị quyết của Chính phủ thay vì quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội? Đề nghị quy định rõ về vấn đề này tại Dự thảo để đảm bảo tính minh bạch của quy định và thuận lợi trong áp dụng. - Theo quy định trên, Chính phủ sẽ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Quy định này đang chưa rõ, trong kỳ họp gần nhất Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội có xem xét việc sửa đổi các luật, nghị quyết, pháp lệnh liên quan và thông qua các văn bản này không? Đề nghị quy định theo hướng các khó khăn, vướng mắc đã được sửa đổi tại dự thảo nghị quyết của	- Việc quy định cơ chế đặc thù này là cần thiết nhằm kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.
--	---	---

		Chính phủ sẽ được xem xét sửa đổi tại luật, nghị quyết, pháp lệnh liên quan tại kỳ họp gần nhất. - Về xử lý khó khăn, vướng mắc tại các văn bản quy phạm pháp luật khác: Khoản 4 Điều 4 Dự thảo quy định “các khó khăn, vướng mắc do quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền trong năm 2025 và 2026”. Trong nhiều trường hợp, các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật dưới luật phụ thuộc vào các quy định tại văn bản cấp luật, nghị quyết, pháp lệnh. Việc sửa các vướng mắc tại văn bản dưới luật phụ thuộc vào việc sửa của văn bản cấp luật, nghị quyết, pháp lệnh. Do đó, trong các trường hợp những vướng mắc, bất cập xuất phát từ văn bản luật, nghị quyết, pháp lệnh thì các văn bản pháp luật phải sửa đổi tương ứng sau khi luật, nghị quyết, pháp lệnh được sửa đổi. Trường hợp các vướng mắc, khó khăn do quy định tại văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, pháp lệnh, nghị quyết, thì việc đặt ra thời hạn giải quyết trong năm 2025 và 2026 là hợp lý. Xuất phát từ tính chất trên, đề nghị phân tách khoản 4 thành hai trường hợp, nếu khó khăn, vướng mắc tại văn bản dưới luật và phụ thuộc vào quy định tại văn bản cấp luật, nghị quyết, pháp lệnh thì việc sửa đổi, bổ sung các quy định này đồng thời với sửa đổi luật, nghị quyết, pháp lệnh.	- Tiếp thu, đã chỉnh lý khoản 4 Điều 4 theo hướng bỏ thời hạn sửa đổi, bổ sung VBQPPL theo thẩm quyền trong năm 2025 và 2026.
	Cục PBGDPL&T GPL	Tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết đề nghị cân nhắc sửa như sau: “1. Các khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc do chưa có các quy định của pháp luật điều chỉnh phải được xử lý trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”	Đã giải trình ở trên
	Cục PBGDPL&T GPL	Đề nghị cân nhắc sửa đổi tên Điều 4 dự thảo Nghị quyết cụ thể như sau: “Điều 4. Phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và chưa có quy định pháp luật để điều chỉnh”	Đã giải trình ở trên

	Sở Tư pháp Thành phố Huế	Tại khoản 3 Điều 4, đề nghị bổ sung cụm từ “ <i>quy phạm pháp luật</i> ” sau cụm từ “ <i>văn bản</i> ”, cụ thể như sau: “ <i>Để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc trong các pháp luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất</i> ”.	Tiếp thu, đã chỉnh lý và quy định rõ hình thức văn bản quy phạm pháp luật UBTVQH ban hành trong trường hợp này là nghị quyết.
	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	- Khoản 2, đề nghị sửa nội dung “Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc, Chính phủ được ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.” như sau để quy định được ngắn gọn, dễ hiểu, tránh trùng lặp: “Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung, để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc, Chính phủ được ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”. - Khoản 3, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm quy định phương án xử lý khó khăn, vướng mắc trong pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không do Chính phủ trình vì khoản 2 chỉ quy định phương án xử lý đối với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, khoản 3 quy định phương án xử lý đối với luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình.	Tiếp thu, đã chỉnh lý
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 1: đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ theo hướng chỉ áp dụng xử lý trước ngày 01/3/2027 đối với các khó khăn, vướng mắc được xác định dựa trên cơ sở tiêu chí quy định tại Điều 2 và nguyên tắc tại Điều 3.	Tiếp thu, đã chỉnh lý và không quy định thời hạn 01/3/2027.

Điều 5	Hội đồng Dân tộc	Về quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (tại khoản 1 Điều 5): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật <i>trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết.</i>	Tiếp thu, đã chỉnh lý và bổ sung quy định “Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc khoản 3 và 4 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” (khoản 3 Điều 5)
	Bộ Công an	- Rà soát, chỉnh lý các cơ quan ban hành văn bản QPPL có trách nhiệm rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc và xác định phương án sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định tại khoản 1 Điều 5 cho phù hợp, thống nhất với các hình thức văn bản QPPL cần phải sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 4. - Tại khoản 2, đề nghị dẫn chiếu rõ quy định về nội dung thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. - Tại khoản 3, đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ để trình Chính phủ thông qua Nghị quyết.	- Tiếp thu, đã chỉnh lý - Tiếp thu, đã chỉnh lý điểm a khoản 2 và quy định cụ thể như sau: “Nội dung thẩm định bao gồm: tiêu chí, nguyên tắc, phương án, quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này và các nội dung thẩm định quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 4 Điều 34 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.” - Tiếp thu, đã chỉnh lý và quy định cụ thể như sau: “đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại khoản này, Chính phủ xem xét, thông qua. - Việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn và ban hành văn bản quy

		- Cùng để đạt mục tiêu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định tại các văn bản QPPL (không phải văn bản QPPL của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), khoản 4 Điều 5 cho phép áp dụng việc xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn và áp dụng quy định xây dựng, ban hành văn bản trong trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết cho quy định rõ tiêu chí, điều kiện phân định trường hợp nào ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn (theo Điều 50, 51 Luật Ban hành văn bản QPPL) và trường hợp nào áp dụng việc ban hành văn bản trong trường hợp đặc biệt (theo Điều 52 Luật Ban hành văn bản QPPL). Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định để bảo đảm tính khả thi và thống nhất cho các cơ quan trong đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc tại các văn bản QPPL. - Đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định về Hội đồng thẩm định độc lập trong trường hợp Chính phủ ban hành nghị quyết quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này, có thể áp dụng quy định về thành phần Hội đồng thẩm định, thời gian thẩm định tại Luật Ban hành văn bản QPPL và văn bản quy định chi tiết Luật.	phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt sẽ thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. - Việc ban hành nghị quyết của Chính phủ để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội là giải pháp tình thế đặc biệt, có tính chất “vượt khung”, do đó, cần thiết phải có Hội đồng thẩm định độc lập để đánh giá kỹ lưỡng, khách quan, đa chiều và bảo đảm hiệu quả của phương án này trong thực tiễn. Hội đồng thẩm định độc lập chính là bộ lọc kiểm soát quyền lực hiệu quả, giúp ngăn chặn nguy cơ lạm dụng cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc để ban hành nghị quyết của Chính phủ sửa đổi, bổ sung luật, nghị quyết của Quốc hội.
--	--	---	---

	Bộ Tài chính	- Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung quy định về quy trình xử lý cho trường hợp “<i>Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất</i>”. - Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: Cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm nghiên cứu kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và phương án sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc <u>theo quy định của Nghị quyết này</u>. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chưa có quy định cụ thể về nội dung này vì vậy đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, bổ sung quy định về quy trình để đảm bảo rõ ràng, tránh vướng mắc khi thực hiện (ví dụ như: quy định về thời hạn các bộ, ngành theo chức năng nhiệm vụ phải rà soát các khó khăn vướng mắc trình Chính phủ danh mục để tổng hợp rà soát, xây dựng Nghị quyết, quy phạm pháp luật đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả, không để khoảng trống pháp lý).	- Tiếp thu, đã chỉnh lý và quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như sau: “3. Để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.” - Nghị quyết này quy định về tiêu chí, nguyên tắc xác định và phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Do đó, nội dung quy định này dẫn chiếu đến quy định của Nghị quyết về tiêu chí, nguyên tắc xác định và phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. - Tiếp thu, đã chỉnh lý khoản 2 Điều 5 theo hướng dẫn chiếu cụ
--	--------------	--	---

		- Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Hội đồng thẩm định độc lập có trách nhiệm thẩm định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Nội dung thẩm định bao gồm: tiêu chí, nguyên tắc, phương án xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này và các nội dung khác theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>”. Đối với quy định này, đề nghị Bộ Tư pháp: (i) Quy định cụ thể các nội dung khác là các nội dung nào do quy trình thẩm định này không quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL; (ii) Bổ sung nội dung: Kết quả thẩm định của Hội đồng được gửi đến các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban Pháp luật của Quốc hội để tham khảo và giám sát; (iii) Quy định rõ về các nội dung cần thể hiện trong Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Chính phủ hoặc bổ sung mẫu Tờ trình, mẫu dự thảo Nghị quyết kèm theo để đảm bảo việc thực hiện được thống nhất, thuận lợi. - Tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, bổ sung thời hạn để cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết sau khi có ý kiến của Hội đồng thẩm định độc lập để trình Chính phủ xem xét, thông qua. - Về khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, quy định cụ thể thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL thuộc khoản 4 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết này.	thể nội dung thẩm định như sau: Nội dung thẩm định bao gồm: tiêu chí, nguyên tắc, phương án, quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này và các nội dung thẩm định quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 4 Điều 34 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.” - Thông qua dự thảo Nghị quyết này, Quốc hội đã cho phép việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc khoản 3, khoản 4 Điều 4 được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn. Do đó, không cần thiết phải quy định về thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn tại dự thảo Nghị quyết này.
	Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội	(1) Đối với dự thảo Nghị quyết điều chỉnh quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình, đề nghị bổ sung quy trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi ban hành Nghị quyết. (2) Đề nghị bổ sung quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình. (3) Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm rà soát văn bản để đề xuất sửa	(1) Bộ Tư pháp cho rằng, các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật yêu cầu phải được xử lý nhanh chóng, kịp thời để tránh việc kìm hãm, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, dự thảo Nghị quyết

		đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phụ trách; tránh trường hợp phát hiện không báo cáo, đề xuất hoặc không chủ động rà soát để đề xuất sửa đổi khiến các cơ quan có thẩm quyền khác phải thực hiện thay trách nhiệm được giao. (4) Đề nghị làm rõ địa vị pháp lý của Hội đồng thẩm định độc lập quy định tại Điều này. (5) Đề nghị giải trình, làm rõ khoản 4 và khoản 5 Điều 5, bởi vì dễ dẫn tới tùy tiện trong sửa đổi quy định của pháp luật. Những sai sót trong xây dựng điểm nghẽn dễ được bỏ qua, không gắn với trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xây dựng pháp luật và trách nhiệm người đứng đầu.	quy định theo hướng trao quyền chủ động, linh hoạt gắn với việc tăng cường trách nhiệm của Chính phủ trong việc xác định khó khăn, vướng mắc và ban hành nghị quyết để điều chỉnh các quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, mà không cần thiết phải báo cáo, xin ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các khó khăn, vướng mắc trong quy định của pháp luật đã được nhận diện và phương án xử lý khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, đồng thời với việc trao quyền linh hoạt cho Chính phủ, dự thảo Nghị quyết cũng quy định rõ cơ chế kiểm soát và giám sát nhằm tránh lạm dụng trong quá trình thực hiện. Theo đó, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại phiên họp, kỳ họp gần nhất về việc ban hành nghị quyết. Điều này bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực trong việc xử lý các vấn đề phát sinh từ quy định của pháp luật. (2) Tiếp thu, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 5 như sau:
--	--	--	--

			“Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc khoản 3 và 4 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.” (3) Đã quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết. (4) Tiếp thu, đã chỉnh lý tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 5 dự thảo Nghị quyết. (5) Tiếp thu, đã chỉnh lý.
	Bộ Ngoại giao	Về Điều 5, đề nghị cân nhắc bổ sung thêm bước cơ quan chủ trì soạn thảo xin ý kiến các đối tượng chịu tác động trước khi gửi Hội đồng thẩm định độc lập để thẩm định nhằm hạn chế tối đa trường hợp văn bản để giải quyết khó khăn, vướng mắc lại tiếp tục gây khó khăn, vướng mắc cho các đối tượng áp dụng. Đồng thời, cần tính đến hướng xử lý cho phép Hội đồng thẩm định độc lập, sau khi xem xét hồ sơ, kết luận hồ sơ không thỏa mãn các tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này	- Tiếp thu, đã chỉnh lý theo hướng quy định linh hoạt; trường hợp lấy ý kiến thì hồ sơ sẽ có bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. - Tiếp thu, bổ sung quy định cụ thể về yêu cầu báo cáo thẩm định của Hội đồng phải khẳng định dự thảo nghị quyết đủ/không đủ điều kiện trình và cách thức xử lý trong từng trường hợp.
	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Điều 5 Quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, đề nghị bổ sung quy định về quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc đối với trường hợp ban hành văn bản tại khoản 3 Điều 4 dự thảo và trường hợp xử lý khó khăn, vướng mắc trong pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không do Chính phủ trình để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.	Tiếp thu, đã chỉnh lý

	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Về quy trình xử lý khó khăn vướng mắc đề nghị viết lại để thuận lợi hơn trong việc áp dụng. Cụ thể: có thể phân loại quy trình đối với trường hợp Chính phủ ban hành Nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 4 hoặc trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 4. - Đề nghị làm rõ vai trò và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thẩm định độc lập. Đề nghị cân nhắc mời thêm các Ủy ban của Quốc hội tham gia Hội đồng. Vấn đề tiếp theo được đặt ra là sau khi Hội đồng thẩm định và có báo cáo và một số chính sách được xử lý đã thay đổi nếu có trường hợp phát sinh mới thì trách nhiệm xử lý tiếp theo thuộc về Bộ chủ trì đề xuất, Bộ Tư pháp hay Hội đồng thẩm định độc lập.	Tiếp thu, đã chỉnh lý Điều 4. Đồng thời, chỉnh lý Điều 5 theo hướng giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định độc lập, trong đó sẽ làm rõ vai trò và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thẩm định độc lập
Điều 6	Bộ Công an	Đề nghị cân nhắc quy định “trường hợp Nghị quyết này không quy định thì áp dụng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật” vì có nội dung chưa có quy định ở cả Nghị quyết và Luật Ban hành văn bản QPPL (như: quy định về trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện, thành phần thẩm định, nội dung thẩm định... khi ban hành văn bản QPPL trong trường hợp đặc biệt).	Về vấn đề này, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng ban hành Nghị quyết của Chính phủ. Đối với các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản khác các thì được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm luật năm 2025. Trường hợp cần ban hành văn bản trong trường hợp đặc biệt thì áp dụng theo Điều 52 của Luật Ban hành văn bản quy phạm luật năm 2025.
	STP Cần Thơ	Tại khoản 5 Điều 6 dự thảo, đề nghị cơ quan dự thảo nghiên cứu đảm bảo nguyên tắc “cơ quan trình dự án luật chịu trách nhiệm đến cùng đối với dự án	Điều 6 dự thảo Nghị quyết đã quy định rõ trách nhiệm của các

		luật do cơ quan mình trình” theo chỉ đạo của Bộ chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW ngày 20 tháng 01 năm 2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật và Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.	cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc xây dựng, ban hành VBQPPL để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.
Hội đồng Dân tộc		Tại khoản 5 quy định “Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư và các quy định khác liên quan đến đầu tư kinh doanh... thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 198/2025/QH15 và quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này. Thường trực HĐDT thấy rằng, khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định xử lý khó khăn, vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, không bao gồm các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình (theo như quy định tại khoản 2 Điều 4). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung quy định để bảo đảm các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư và các quy định khác liên quan đến đầu tư kinh doanh được xử lý.	Tiếp thu ý kiến của Hội đồng Dân tộc, Bộ Tư pháp đã bỏ quy định này, theo đó các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư và các quy định khác liên quan đến đầu tư kinh doanh vẫn được xử lý theo cơ chế chung quy định tại Nghị quyết này.
Hội đồng Dân tộc		- Tại khoản 4 có quy định “Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được quy định tại Điều 82 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì thực hiện theo quy định đó”; tuy nhiên, qua rà soát, đối chiếu với dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trình Quốc hội (dự thảo Luật ngày 30/5/2025 sau khi tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận tại tổ, hội trường) thì không có Điều 82. Thường trực HĐDT đề nghị rà soát, quy định dẫn chiếu bảo đảm thống nhất với quy định của luật liên quan.	Tiếp thu chỉnh lý trong dự thảo Nghị quyết bảo đảm bám sát dự thảo <i>Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 9</i>
Sở Tư pháp		Khoản 4 Điều 7 dự thảo nghị quyết quy định: “Việc xử lý khó khăn, vướng mắc	

	Thành phố Huế	<i>do quy định của pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được quy định tại Điều 82 của Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thì thực hiện theo quy định đó</i> ”, tuy nhiên qua rà soát Luật Khoa học công nghệ thì luật này chỉ có 81 điều, hiện nay đang dự thảo Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, do vậy đề nghị xem lại việc viện dẫn này cho phù hợp.	
	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Tại khoản 3 Điều 7, đề nghị viết đầy đủ, chính xác tên các văn bản Luật được viện dẫn tại khoản này (Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15). Ngoài ra, hiện nay Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đang được sửa đổi; trong đó, dự kiến có các quy định mới về xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, phân quyền, phân cấp; do đó, đề nghị cân nhắc bổ sung điều, khoản chuyển tiếp để quy định việc áp dụng các văn bản được viện dẫn trong dự thảo Nghị quyết khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế để bảo đảm việc áp dụng, thực hiện được kịp thời.	Tiếp thu, chỉnh lý về nội dung viết đầy đủ chính xác tên các văn bản Luật bao gồm cả số, ký hiệu theo quy định trong dự thảo Nghị quyết. Đối với nội dung về xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, phân quyền, phân cấp, dự thảo Nghị quyết đã quy định hướng dẫn chiếu đến các quy định của Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
	Bộ Tài chính	Đề nghị Bộ Tư pháp cân nhắc bổ sung nội dung: “ <i>Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia về các điểm nghẽn pháp luật và biện pháp xử lý đã thực hiện</i> ” để thuận tiện theo dõi, tổng hợp và minh bạch thông tin.	Hiện nay, Bộ Tư pháp và đang vận hành Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp

			luật nhằm kết nối, tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân, doanh nghiệp, tổ chức trên toàn quốc đối với quy định có vướng mắc, bất cập, không còn phù hợp để chuyển tới cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu trả lời và có giải pháp khắc phục.
	Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội	Khoản 5 Điều 6 quy định: “ <i>Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia xác định, xử lý các khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan.</i> ”. Một số ý kiến đề nghị không quy định nội dung này vào dự thảo Nghị quyết vì các vấn đề liên quan đến xử lý trách nhiệm, bao gồm cả loại trừ, miễn trừ trách nhiệm đã được quy định trong các văn bản có liên quan của Đảng, Nhà nước có liên quan. Đồng thời, tại Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng đã có quy định tương tự, đề nghị cần nghiên cứu áp dụng, đó là : “3. <i>Người đứng đầu cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật.</i> ” (Khoản 3 Điều 15)	Vấn đề này, Bộ Tư pháp xin giải trình như sau: Nghị quyết quy định một số cơ chế chính sách đặc biệt khác so với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong một số trường hợp thực sự cấp thiết để tháo gỡ “điểm nghẽn”. Do đó, cần có quy định về việc bảo vệ cán bộ, công chức năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung trong Nghị quyết này để bảo đảm tính khả thi của Nghị quyết đồng thời phù hợp với chủ trương của Đảng về bảo vệ cán bộ.
	Bộ Tài chính	Khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: “ <i>Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia xác</i>	Bộ đã nghiên cứu tiếp thu theo hướng quy định cụ thể các quy trình xử lý khó khăn,

		<i>định, xử lý các khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan”.</i> Đối với nội dung này, đề nghị Bộ Tư pháp: (i) Quy định các quy trình, quy định cần tuân thủ đối với mỗi trường hợp cụ thể và cách xác định thế nào là thiệt hại do nguyên nhân khách quan để đảm bảo quyền được miễn trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng và thực hiện Nghị quyết này; (ii) Cân nhắc sửa đổi từ “tư lợi” thành “vụ lợi” để đảm bảo thống nhất với thuật ngữ được sử dụng tại Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản QPPL có liên quan.	vướng mắc trong dự thảo Nghị quyết, đồng thời sửa từ “tư lợi” thành “vụ lợi”.
Điều 7	Bộ Tài chính	- Về khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định thời hạn hiệu lực thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định chuyển tiếp đối với trường hợp Nghị quyết này hết hiệu lực thì các Nghị quyết của Chính phủ đã ban hành để điều chỉnh các quy định của luật pháp có vướng mắc có còn tiếp tục được thực hiện hay chấm dứt. - Về khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị Quyết, đề nghị Bộ Tư pháp cân nhắc soạn thảo lại nội dung “... về phát triển kinh tế tư nhân quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 16 của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 198/2025/QH15 và quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này”. (Nghị quyết 198/2025/QH15 chỉ điều chỉnh một số nội dung đặc thù, không bao phủ toàn bộ lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư. Các vướng mắc khác cần được xử lý theo pháp luật chuyên ngành, các văn bản pháp luật liên quan)	Đã tiếp thu chỉnh lý theo hướng bổ sung vào nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định: “Ngoài các nội dung điều chỉnh quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ phải xác định rõ thời điểm hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 4, tham chiếu việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến điều khoản chuyển tiếp của Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, do vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật điều khoản dẫn chiếu. Đề nghị	Đã tiếp thu, đã chỉnh lý theo hướng dẫn chiếu tại khoản 3 Điều 7 như sau: Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp

		bổ sung Luật Năng lượng nguyên tử vào khoản này vì tại dự thảo luật cũng có quy định giải quyết khó khăn, vướng mắc tương tự như Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.	luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, năng lượng nguyên tử đã được quy định tại Điều 74 của Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 72 của Luật Năng lượng nguyên tử thì thực hiện theo quy định đó và quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.
Thời điểm có hiệu lực	Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh cụ thể hơn về đề xuất thời hạn áp dụng của dự thảo Nghị quyết từ ngày 01/7/2025 đến ngày 28/02/2027 (lý do chọn thời điểm này và tính khả thi của việc ban hành đầy đủ các văn bản theo yêu cầu trong thời gian này). Bên cạnh đó, Chính phủ cần có Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này ngay sau khi ban hành để đảm bảo lộ trình thực hiện đồng bộ, tránh trường hợp gia hạn kéo dài Nghị quyết, bảo đảm tính khả thi cũng như đạt được mục tiêu ban hành Nghị quyết.	Tiếp thu, Bộ Tư pháp đã thuyết minh cụ thể hơn tại Tờ trình Chính phủ theo hướng quy định thời hạn này nhằm bảo đảm phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước kỷ nguyên mới và quy định quy định tại Điều 32 của Luật Tổ chức Chính phủ, Điều 50 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy

			định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết, sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết, Bộ Tư pháp sẽ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết.
Kỹ thuật soạn thảo	Ủy ban nhân dân Thành phố Huế	Đề nghị bổ sung đường kẻ ngang trên cụm từ “<i>Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp lần thứ</i> thông qua ngày tháng năm 2025.”.	Đã tiếp thu chỉnh lý trong dự thảo Nghị quyết.